

Đấu tranh, phản bác quan điểm xuyên tạc, bịa đặt về cái gọi là “đồng bào các dân tộc thiểu số ở Việt Nam bị phân biệt đối xử”

TS CAO THỊ DUNG

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: dungcaonnpl@gmail.com

Nhận ngày 01 tháng 12 năm 2021; chấp nhận đăng tháng 02 năm 2022.

Tóm tắt: Lợi dụng vấn đề dân tộc để xuyên tạc chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xâm phạm đến an ninh quốc gia của Việt Nam là âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch. Thông qua những hoạt động này, các thế lực thù địch muốn kích động đồng bào các dân tộc thiểu số (DTTS) tham gia biểu tình, bạo loạn gây mất ổn định về chính trị - xã hội, thiệt hại về kinh tế và nhiều hệ lụy khác.

Từ khóa: DTTS; phân biệt đối xử; đấu tranh, phản bác.

Abstract: Hostile forces' devious conspiracy is to take advantage of ethnic issues to distort the Party's guidelines, State policies and laws, and jeopardize Vietnam's national security. They aim at inciting ethnic minorities to participate in protests and riots, resulting in socio-political instability, economic losses and other repercussions.

Keywords: ethnic minorities; discrimination; fight; refute.

Về bản chất, phân biệt đối xử là hành vi tạo ra sự không công bằng, đối xử đối với một cá nhân hay một nhóm này kém hơn đối với các cá nhân hay nhóm khác, có thể dựa trên các cơ sở như giới tính, độ tuổi, địa vị kinh tế, địa vị xã hội, quốc tịch, màu da, tôn giáo, sắc tộc, ngôn ngữ, tầng lớp, nguồn gốc sinh thành ... Phân biệt đối xử chủ yếu liên quan đến việc hạn chế, ngăn cản hoặc loại bỏ một cách vô lý những cơ hội và đặc quyền của một cá nhân hay một nhóm so với những cá nhân hay nhóm khác.

Việt Nam có 54 dân tộc anh em, trong đó có 53 DTTS, với hơn 14 triệu người (chiếm khoảng 14,7% dân số cả nước). Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công dân nói chung, các cá nhân trong cộng đồng các dân tộc nói riêng đều bình đẳng trước pháp luật. Điều 16, Hiến pháp 2013 khẳng định: “1. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật; 2. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội”. Các nguyên tắc về quyền bình đẳng không chỉ được quy định

trong Hiến pháp mà còn được cụ thể trong luật, các văn bản dưới luật và được triển khai thực hiện trong thực tiễn.

Việc cổ súy cho luận điểm đồng bào các DTTS bị phân biệt đối xử chỉ là chiêu bài chống phá quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam. Chiêu bài ấy sẽ không thể hiện thực hóa bởi những luận chứng mang tính pháp lý và thực tiễn sau đây:

1. Các DTTS được bình đẳng trong lĩnh vực chính trị

Thứ nhất, về cơ sở pháp lý, quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực chính trị đã được khẳng định rõ trong Hiến pháp năm 2013 tại: Điều 27: “Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Việc thực hiện các quyền này do luật định”; Điều 28: “1. Công dân có quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả

nước; 2. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân”; Điều 29: “Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân”; Điều 30: “1. Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân; 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Người bị thiệt hại có quyền được bồi thường về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự theo quy định của pháp luật; 3. Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo làm hại người khác”.

Thứ hai, trong thực tiễn, bình đẳng trong lĩnh vực chính trị được coi là quyền cơ bản của công dân trong đó có các DTTS. Thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các DTTS nước ta đã được bình đẳng trong tham chính, quản lý đất nước: số lượng đại biểu là người DTTS trong các khóa Quốc hội luôn chiếm tỷ lệ cao hơn so với tỷ lệ người DTTS trong tổng dân số cả nước; trong các nhiệm kỳ Quốc hội gần đây, tỷ lệ đại biểu Quốc hội là người DTTS luôn cao hơn tỷ lệ dân số DTTS trong tổng dân số nước ta. Theo thống kê của Hội đồng dân tộc, số lượng đại biểu Quốc hội người DTTS đã tăng theo các khóa: Khóa I (1946) chiếm 10,2%; khóa XIII chiếm 15,6%; khóa XIV có 86 đại biểu Quốc hội là người DTTS thuộc 32 dân tộc khác nhau, chiếm tỷ lệ 17,3%;⁽¹⁾ Riêng Khóa XV bầu cử đại biểu Quốc hội diễn ra vào ngày 23/5/2021: có 89 trên 499 đại biểu quốc hội là người DTTS chiếm 17,8%; về giới tính: nam 45 người, chiếm 50,56%; nữ 44 người, chiếm 49,43%; về độ tuổi: đại biểu trẻ tuổi nhất 24 tuổi, dân tộc Khơ mú; đại biểu cao tuổi nhất 61 tuổi, dân tộc Tày⁽²⁾.

Ở các địa phương, người DTTS tham gia đại biểu Hội đồng nhân dân chiếm tỷ lệ cao; Nhiều người DTTS đã và đang giữ những chức vụ quan trọng trong các cơ quan lãnh đạo, các cơ quan quyền lực của đất nước như: nguyên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ

tịch Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Bộ trưởng, Chủ nhiệm ủy ban Dân tộc...

Trong công tác lãnh đạo và sử dụng cán bộ: Nhà nước có chính sách ưu tiên con em các dân tộc ít người, giúp đỡ về mặt vật chất, động viên về mặt tinh thần để họ tích cực học tập nâng cao trình độ về mọi mặt, nhà nước dành tỉ lệ nhất định số cán bộ công chức là người dân tộc trong biên chế của các cơ quan nhà nước, đặc biệt là cơ quan nhà nước đóng trên địa bàn miền núi, biên giới, hải đảo, nơi có nhiều đồng bào dân tộc ít người sinh sống và có những chính sách khuyến khích những người đến phục vụ tại những khu vực này⁽³⁾. Chính sách ưu tiên trong công tác cán bộ ở khu vực miền núi, biên giới và hải đảo còn thể hiện ở việc quy định chế độ đãi ngộ về vật chất cũng như tinh thần đối với những cán bộ, công chức, theo đó: cán bộ, công chức làm việc ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hải đảo hoặc làm việc trong các ngành nghề độc hại nguy hiểm được hưởng phụ cấp và chính sách ưu đãi do Chính phủ quy định. Với những chính sách đó, Đảng, Nhà nước đã tạo điều kiện để cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình góp phần đưa vùng khó khăn, vùng đồng bào DTTS, miền núi, biên giới, hải đảo tiến kịp với tốc độ phát triển chung của cả nước.

2. Các DTTS được bình đẳng trong lĩnh vực kinh tế.

Thứ nhất, về cơ sở pháp lý, Hiến pháp 2013 và các văn bản quy phạm pháp luật khác ghi nhận quyền bình đẳng của công dân trong lĩnh vực kinh tế cụ thể: Điều 33, Hiến pháp 2013: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm”; Điều 51, Hiến pháp 2013: “... Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh; phát triển bền vững các ngành kinh tế, góp phần xây dựng đất nước. Tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức đầu tư, sản xuất, kinh doanh được pháp luật bảo hộ và không bị quốc hữu hóa.”; Quyết định số 132/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 8.10.2002 về việc giải quyết đất sản xuất và đất ở cho đồng bào DTTS; Quyết định 134/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng

Chính phủ ngày 20.7.2004 về hỗ trợ đất sản xuất, nhà ở và các nhu cầu thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống cho đồng bào nghèo thuộc DTTS; Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ về Giảm nghèo bền vững; Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội: Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030...

Thứ hai, trong thực tiễn, ở góc độ kinh tế, đời sống đồng bào các DTTS ngày càng được cải thiện. Nhờ đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, bộ mặt vùng dân tộc và miền núi nước ta đã thay đổi rõ rệt, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng dân tộc được cải thiện. Nhà nước có nhiều chính sách, chương trình, dự án về dạy nghề, giải quyết việc làm, tạo điều kiện thuận lợi và giúp đỡ đồng bào các DTTS có việc làm, thu nhập, cải thiện đời sống.

Thời gian qua, Chính phủ tập trung chỉ đạo đầu tư và nguồn lực thực hiện các chính sách giảm nghèo, thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chăm lo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các dân tộc. Một số chương trình nổi bật như: Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135) và 12 chương trình ưu đãi cho hộ nghèo, DTTS, gia đình chính sách để đầu tư phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, làm nhà ở, định canh, định cư, nước sạch và vệ sinh môi trường, hỗ trợ cho sinh viên, học sinh đi học... Nhiều chương trình đã đem lại nhiều hiệu quả thiết thực như: Chương trình hành động 122 của Chính phủ về Công tác Dân tộc; Chương trình 135 (giai đoạn 2) về Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS, miền núi, vùng sâu, vùng xa; ưu đãi thuế nông nghiệp và thuế lưu thông hàng hoá, hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp, trợ giá các mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc như muối ăn, thuốc chữa bệnh, phân bón, giấy viết, chính sách phát triển rừng, bảo vệ môi trường sống miền núi

(Chương trình 327); chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo; chính sách ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ người DTTS...

Nhờ những chính sách và chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước, tình hình kinh tế, xã hội ở các vùng đồng bào DTTS và miền núi được cải thiện rõ rệt. Từ năm 2007 đến nay đã có 118.530 hộ đồng bào DTTS đặc biệt khó khăn được vay vốn, 33.969 hộ được hỗ trợ phát triển sản xuất, 80.218 hộ được hỗ trợ mở rộng quy mô chăn nuôi, 4.343 hộ được hỗ trợ mở rộng sang ngành nghề dịch vụ. Tổng số hộ nghèo người DTTS là 1.422.261 hộ, chiếm 5,97% tổng số hộ người DTTS trong cả nước⁽⁴⁾. Thời gian tới, Quốc hội chỉ đạo tập trung nguồn lực đầu tư để giải quyết các vấn đề bức thiết của vùng đồng bào DTTS và miền núi, theo thứ tự ưu tiên: đến năm 2025, giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở địa bàn đặc biệt khó khăn, nhất là vùng nguy cơ cao về thiên tai; phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, đảm bảo cho người dân có thu nhập ổn định từ bảo vệ và phát triển rừng, bảo đảm sinh kế bền vững; đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu; chú trọng phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em; bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền biên giới quốc gia; quan tâm công tác truyền thông, tuyên truyền và biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc.

Để chăm sóc sức khỏe cho đồng bào các DTTS, Chính phủ đã thực hiện các chính sách: các chương trình quốc gia về tiêm chủng mở rộng, chương trình phòng chống suy dinh dưỡng, chương trình phòng chống các bệnh sốt rét, bướu cổ và các bệnh nguy hiểm ở vùng dân tộc, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho toàn bộ người nghèo, người DTTS sinh sống ở vùng khó khăn và xây dựng cơ sở khám chữa bệnh ở cơ sở; Đến nay, các xã đều có trạm y tế và cán bộ y tế, các huyện có trung tâm y tế và bác sỹ; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm. Một số dịch bệnh trước đây phổ biến ở vùng DTTS và miền núi như sốt rét, bướu cổ, phong, lao được ngăn chặn và đẩy lùi.

Về giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân

lực: ngay từ khi giành chính quyền, Đảng và Nhà nước đã quan tâm đến giáo dục, đào tạo đội ngũ cán bộ là người DTTS. Đến nay, sự nghiệp giáo dục và đào tạo ở vùng dân tộc đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng: đã hoàn thành chương trình xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập trung học cơ sở; Nhà nước đã phát triển các loại hình trường nội trú, bán trú, dự bị đại học dân tộc. Theo thống kê của Bộ Giáo dục - Đào tạo, tính đến hết năm 2020, tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi của cả nước đạt 97,85%. Trong số đó, tỷ lệ biết chữ của người DTTS đạt 93,7%, tỷ lệ biết chữ của người dân ở 14 tỉnh điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn đạt 93,79%...

3. Các DTTS được bình đẳng trong lĩnh vực văn hóa - xã hội

Một là, về cơ sở pháp lý: Hiến pháp năm 2013 và các văn bản quy phạm pháp luật khác ghi nhận rõ quyền bình đẳng của công dân không phân biệt dân tộc, giới tính, địa vị xã hội... Hiến pháp năm 2013 tại các điều: Điều 23: “Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định”; Điều 24: “1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật; 2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; 3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật.”; Điều 25: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định; 1. Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới; 2. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội; 3. Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới”; Điều 34: “Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội”; Điều 41: “Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa”.

Bộ luật Lao động 2019 nghiêm cấm “hành vi

phân biệt, loại trừ hoặc ưu tiên dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia hoặc nguồn gốc xã hội, dân tộc, giới tính, độ tuổi, tình trạng thai sản, tình trạng hôn nhân, tôn giáo, tín ngưỡng, chính kiến, khuyết tật, trách nhiệm gia đình hoặc trên cơ sở tình trạng nhiễm HIV hoặc vì lý do thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn, tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp có tác động làm ảnh hưởng đến bình đẳng về cơ hội việc làm hoặc nghề nghiệp”.

Luật Giáo dục 2019 quy định tại Điều 13 “Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, đặc điểm cá nhân, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập”. Luật Khám chữa bệnh 2017 quy định nguyên tắc trong hành nghề khám chữa bệnh là “Bình đẳng, công bằng và không kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người bệnh”. Luật Bình đẳng Giới quy định rõ về bình đẳng giới và các biện pháp chống phân biệt đối xử về giới. Luật Người Khuyết tật 2010 cấm các hành vi kỳ thị, phân biệt đối xử với người khuyết tật.

Hai là, trong thực tiễn: giá trị văn hóa truyền thống của các DTTS được bảo tồn, tiếng nói, chữ viết, tôn giáo, tín ngưỡng của các DTTS được tôn trọng. Trái với luận điệu của các thế lực thù địch là: “Các DTTS đang bị đồng hóa, phân biệt đối xử vì khác biệt văn hóa,...”, thực tế Đảng, Nhà nước Việt Nam luôn chú trọng đến công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc. Ngày 14.1.2011, Chính phủ ban hành Nghị định số 05/2011/NĐ-CP về Công tác Dân tộc, trong đó quy định: hỗ trợ việc sưu tầm, nghiên cứu, bảo vệ, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS trong cộng đồng dân tộc Việt Nam; hỗ trợ việc giữ gìn và phát triển chữ viết của các dân tộc có chữ viết. Các dân tộc có trách nhiệm giữ gìn văn hóa truyền thống tốt đẹp, tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình phù hợp với quy định của pháp luật; xây dựng, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống ... Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 27.7.2011 về việc phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát triển văn hóa các DTTS Việt Nam đến năm 2020” tập trung ưu tiên bảo tồn,

phát triển văn hóa các DTTS rất ít người. Nhờ các chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, văn hóa truyền thống của các dân tộc được tôn vinh, từng bước được bảo tồn, đời sống văn hóa, tinh thần của đồng bào các DTTS được cải thiện, mức hưởng thụ văn hóa được nâng cao.

Nhiều nét văn hóa các DTTS được bảo tồn, phát triển, được công nhận là di sản văn hóa thế giới như: “Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên”, “Thánh địa Mỹ Sơn”, “Cao nguyên đá Đồng Văn”... Đến nay, hơn 90% hộ gia đình vùng đồng bào DTTS được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam và trên 80% số hộ được xem truyền hình. Các chương trình phát thanh, truyền hình bằng cả tiếng Việt và 26 thứ tiếng Dân tộc được phát sóng mở rộng tới các bản làng xa xôi⁽⁵⁾.

Chính phủ thực hiện chương trình cấp miễn phí đến tận thôn, bản, áp 19 loại báo, tạp chí vùng đồng bào DTTS, vùng đặc biệt khó khăn. Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình Việt Nam không ngừng mở rộng diện phủ sóng rộng khắp trong cả nước, tới các khu vực nông thôn, miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa. Chính phủ Việt Nam tạo mọi điều kiện để người dân trong đó có người DTTS tiếp cận, khai thác và sử dụng rộng rãi thông tin trên mạng Internet. Mạng lưới Internet đã hình thành cung cấp dịch vụ đến tận xã, thôn, bản cho 63 tỉnh, thành phố, kể cả vùng sâu, vùng xa.

Bên cạnh đó, công tác giáo dục và đào tạo, nâng cao dân trí ở vùng có đông người DTTS sinh sống cũng được quan tâm đẩy mạnh và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Hệ thống các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, trường dạy nghề; các loại hình trường nội trú, bán trú, dự bị đại học dân tộc tại vùng có đông DTTS đều được đầu tư xây dựng. Từ năm 2012, 100% xã đã đạt chuẩn phổ cập tiểu học, nhiều nơi đã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở, 95% trẻ em DTTS được đến trường.

Quyền được sử dụng tiếng nói, chữ viết của các DTTS được tôn trọng, Nhà nước có nhiều chính sách bảo tồn, sử dụng và phát triển ngôn ngữ các DTTS. Từ những năm 60 của thế kỷ XX Chính phủ đã xây dựng chữ viết cho các DTTS. Sau quá trình thực hiện, tổng kết, Chính phủ đã ban hành Nghị

định số 82/2010/NĐ-CP quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của DTTS trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên. Từ năm 2008, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hợp tác với UNICEF thí điểm thực hiện giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ tại 3 tỉnh Lào Cai, Trà Vinh, Gia Lai, góp phần quan trọng giảm tỷ lệ học sinh bỏ học tại những địa phương này.

Về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào DTTS đã được quy định trong Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nhà nước tôn trọng tự do tín ngưỡng, không phân biệt đối xử giữa những người theo tôn giáo và những người không theo tôn giáo, giữa các tôn giáo khác nhau, giữa những người DTTS theo tôn giáo và người Kinh theo tôn giáo.

Như vậy, tại Việt Nam, đồng bào DTTS ngày càng có nhiều điều kiện thuận lợi để vươn lên phát triển về mọi mặt, đóng góp nhiều hơn vào sự nghiệp chung của đất nước. Những thành tựu đó là những minh chứng cụ thể trong bảo đảm và thúc đẩy quyền của DTTS nói riêng và quyền con người nói chung tại Việt Nam. Những kết quả trong thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo, an sinh xã hội, thực hiện các quyền công dân “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đối với các dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam là những minh chứng hùng hồn phản bác lại những luận điệu xuyên tạc, vu khống về cái gọi là “đồng bào DTTS ở Việt Nam bị phân biệt đối xử” của các thế lực thù địch./.

(1) S. Thương (2021), “Số lượng đại biểu Quốc hội người DTTS ngày càng tăng”, <http://cand.com.vn/Su-kien-Binh-luan-thoi-su/So-luong-dai-bieu-Quoc-hoi-nguoi-dan-toc-thieu-so-ngay-cang-tang-639193/>.

(2) P. Ngọc (2021), “89 người DTTS trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV”, <https://baodantoc.vn/89-nguoi-dan-toc-thieu-so-trung-cu-dai-bieu-quoc-hoi-khoa-xv-1623344636045.htm>.

(3) <https://luatduonggia.vn/nguyen-tac-binh-dang-giua-cac-dan-toc/>.

(4), (5) Văn Duyên (2021), “Bình đẳng giữa các dân tộc – Biểu hiện cụ thể của quyền con người ở Việt Nam”, <https://www.qdnd.vn/chong-dien-bien-hoa-binh/thanh-tuu-nhan-quyen-viet-nam/binh-dang-giua-cac-dan-toc-bieu-hien-cu-the-cua-quyen-con-nguoi-o-viet-nam-527841>.